

Số: 296/QĐ-UBND

TP. Yên Bái, ngày 17 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án xây dựng xã Giới Phiên thành phường Giới Phiên thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Căn cứ Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Căn cứ Quy hoạch phát triển tổng thể Kinh tế xã hội thành phố Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Phòng quản lý đô thị thành phố tại Tờ trình số 18/TTr-QLĐT ngày 26/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án xây dựng xã Giới Phiên thành phường Giới Phiên thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái”, với những nội dung cụ thể như sau:

I. TÊN ĐỀ ÁN: Đề án xây dựng xã Giới Phiên thành phường Giới Phiên thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

II. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN:

1. Mục tiêu chung

Năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn của phường và đến năm 2023 xét đề nghị công nhận thành lập phường Giới Phiên, thành phố Yên Bái.

2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn sau:

- Quy mô dân số đạt tối thiểu 7.000 người.
- Cân đối thu chi ngân sách: Thu ngân sách đảm bảo đáp ứng đủ các nhu cầu chi và có kết dư.
- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2020, 2021, 2022) của xã đạt bình quân của thành phố (đạt 0,71%).
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, đạt tối thiểu 25%.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 3,5 (km/km²)

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn của phường đã đạt một cách bền vững:

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm y tế, trường học, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn trên địa bàn xã.
- Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch trên các tuyến đường liên thôn, liên xã và tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.
- Đào tạo nghề chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.
- Hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ để tổ chức thu gom rác trên địa bàn xã, đảm bảo rác thải sinh hoạt được xử lý đúng quy định.
- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, duy trì các cơ sở sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ.
- Thực hiện tốt công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của người dân, nâng cao chất lượng văn hóa, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.
- Kiên cố hóa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã.
- Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các địa phương khác như các tuyến đường nối từ đường cầu Bách Lãm đến đường Âu Cơ...

2. Khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chuẩn của phường.

2.1. Về tăng quy mô dân số.

- Thu hút, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí dọc đường 32C, đường cầu Bách Lãm, đường cầu Tuần Quán, đường Âu Cơ theo quy hoạch như Khu đô thị Bách Lãm A-B tại thôn Ngòi Châu, thôn Xóm Soi; Khu thương mại dịch vụ (trụ sở UBND xã Giới Phiên cũ) tại thôn Ngòi Châu, thôn Xóm Soi; Dự án kinh

doanh nhà ở, khu thương mại (giáp điểm 5B) tại thôn Phúc Thịnh; Khu đô thị mới APEC tại thôn Xóm Soi (diện tích 68,4ha với trên 6.000 người),... nhằm tạo công ăn việc làm, thu hút nguồn lao động phi nông nghiệp, tăng dân số cơ học, tăng thu nhập cho người dân.

- Thực hiện các dự án đầu tư phát triển các tuyến đường mới kết hợp với san tạo mặt bằng chuyển đổi một số quỹ đất thành đất dân cư, tổ chức bán đấu giá, hình thành các khu đô thị mới trên tuyến đường 32C, đường Âu Cơ,... và các tuyến đường mới nhằm thu hút đầu tư và đẩy nhanh tốc độ tăng dân số, tăng thu ngân sách.

- Đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng để xây dựng chợ Bến Đò trên địa bàn xã, đáp ứng quy mô là chợ đầu mối cung cấp hàng hóa cho thành phố Yên Bái, nhằm thu hút người dân đến buôn bán, tụ họp.

- Xây dựng bến xe khách tại khu đầu cầu Văn Phú.

2.2. Về thu ngân sách.

- Khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở xã: Thuế, phí và lệ phí; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê nhà; thu khác ngân sách: thu phạt vi phạm trật tự, an toàn giao thông; phạt vi phạm hành chính; thu cố định tại xã.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân có nhu cầu làm thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát, vận động người dân hợp pháp hóa các quỹ đất dôi dư; phát triển các quỹ đất dân cư mới trên trục đường 32C, đường Âu Cơ, đường cầu Bách Lãm, đường cầu Tuần Quán và các tuyến đường mới.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên các trục đường chính của xã.

- Rà soát đưa các hộ kinh doanh mới phát sinh vào quản lý, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, thông báo các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tăng cường kiểm tra đối với các hộ có hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

- Làm tốt công tác vận động doanh nghiệp nộp tiền thuê đất đúng thời hạn.

- Phối hợp với các tổ chức đôn đốc, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý xử phạt đối với các hộ vi phạm nghĩa vụ thuế.

- Kiện toàn tổ chống thất thu ngân sách xã để đôn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn, nhất là thuế nợ các năm trước.

2.3. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo và danh sách dự kiến thoát nghèo chi tiết hàng năm, tiến hành đánh giá thực trạng và nhu cầu của từng hộ để xây dựng phương án giúp đỡ thoát nghèo phù hợp. Đồng thời giao cho các cán bộ, đảng viên trực tiếp theo dõi, giúp đỡ từng hộ nghèo; thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, phát triển sản xuất của các hộ nghèo để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết. Dự

kiến năm 2022, tỷ lệ trung bình hộ nghèo 03 năm (2020, 2021, 2022) của xã là 0,7% đạt bình quân của thành phố (0,71%)

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của hộ nghèo; có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời đối với các hộ nghèo tự nguyện thoát nghèo tiêu biểu.

- Thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ vay vốn giúp hộ nghèo tiếp cận hiệu quả các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển sinh kế, hướng dẫn cách làm ăn gắn với thế mạnh, tiềm năng của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng thoát nghèo của thành phố giai đoạn 2021 – 2025.

- Vận động hộ nghèo tham gia học nghề gắn với giới thiệu việc làm, khuyến khích hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ cải thiện các tiêu chí thiếu hụt của hộ nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin giúp đời sống của người dân từng bước được nâng lên, thoát nghèo bền vững.

2.4. Về xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường chính.

- Triển khai lắp đặt, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường chính của xã (12 tuyến đường với chiều dài 17,99 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

2.5. Về xử lý nước thải đô thị.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công thu gom nước thải đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng hệ thống công thu gom nước thải sinh hoạt, xử lý qua bể tự hoại trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước bên ngoài, đảm bảo tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%

2.6. Về mật độ đường cống thoát nước chính

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường cống thoát nước trên các tuyến đường chính của xã (8 tuyến đường với chiều dài 27 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN:

1. Tổng kinh phí thực hiện Đề án: Dự kiến 40,138 tỷ đồng.

Trong đó:

- Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng: 13,138 tỷ đồng

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường cống thoát nước chính: 27 tỷ đồng

2. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án

- Từ ngân sách thành phố: 29 tỷ đồng.
- Từ các nguồn vốn hợp pháp khác: 11,138 tỷ đồng.

V. HIỆU QUẢ ĐỀ ÁN

Sau khi xây dựng hoàn thành xã Giới Phiên lên phường, bộ mặt đô thị của phường sẽ có nhiều đổi thay, hạ tầng đô thị phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng đô thị được cải thiện theo hướng văn minh, xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường; kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế đô thị, đạt tốc độ phát triển nhanh, bền vững; nguồn thu ngân sách trên địa bàn phường được tăng cao, đủ sức đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy và đầu tư trở lại cho nhu cầu phát triển tại địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao.

Giới Phiên trở thành phường phát triển nhanh, bền vững, khu đô thị trung tâm của thành phố, nơi đặt trung tâm chính trị, hành chính tổng hợp của thành phố Yên Bái trong tương lai, đóng góp tích cực để xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị văn minh, sinh thái, theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”, là một trong các đô thị động lực của khu vực các tỉnh Tây Bắc.

(Có Đề án kèm theo)

Điều 2. Giao phòng Quản lý đô thị thành phố chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân xã Giới Phiên tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Cấp ủy và Chính quyền thành phố; Thủ trưởng các cơ quan: Quản lý đô thị, Tổ chức - Nội vụ, Tài chính - Kế hoạch, Văn hóa - Thông tin, Kinh tế, Tài nguyên và Môi trường; Lao động - Thương binh và xã hội; Truyền thông và Văn hóa thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Giới Phiên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Xây dựng tỉnh Yên Bái;
- Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái;
- Sở Nội vụ tỉnh Yên Bái;
- Thường trực Thành ủy Yên Bái;
- Q. Chủ tịch, PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN TP và các Đoàn thể CT TP;
- Lưu: VT, Phòng QLĐT

TM. UBND THÀNH PHỐ

Q. CHỦ TỊCH



Nguyễn Ngọc Trúc

ĐỀ ÁN

**XÂY DỰNG XÃ GIỚI PHIÊN THÀNH PHƯỜNG GIỚI PHIÊN
THUỘC THÀNH PHỐ YÊN BÁI, TỈNH YÊN BÁI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/02/2021
của Ủy ban nhân dân thành phố Yên Bái)*

Phần thứ nhất

SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Sự cần thiết

- Xây dựng xã Giới Phiên lên phường Giới Phiên là cần thiết để mở rộng khu vực nội thành của thành phố Yên Bái theo Quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060, góp phần xây dựng thành phố sớm trở thành đô thị loại II trong giai đoạn 2021-2025, đến năm 2030 cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại I, theo hướng xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc, xứng tầm là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hình thành trung tâm chính trị, hành chính tổng hợp mới của thành phố Yên Bái sang hữu ngạn sông Hồng; Góp phần tạo động lực phát triển, xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị nằm hai bên sông Hồng, có sức hấp dẫn và cạnh tranh cao, thích ứng với biến đổi khí hậu theo đúng định hướng của thành phố và của tỉnh; Thiết thực nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân xã Giới Phiên nói riêng và người dân thành phố Yên Bái nói chung; đáp ứng nguyện vọng của nhân dân thành phố Yên Bái.

2. Tên gọi của Đề án: “Xây dựng xã Giới Phiên thành phường Giới Phiên thuộc thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái”.

3. Phạm vi của Đề án: Đề án được triển khai trên địa bàn xã Giới Phiên, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; Luật Xây dựng sửa đổi 2020 số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 ngày 17/6/2009;

Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Định hướng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến 2050;

Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Yên Bái về việc phê duyệt đề án Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2060;

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố khóa XX nhiệm kỳ 2020-2025;

Quy hoạch phát triển tổng thể kinh tế - xã hội thành phố Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Các văn bản khác có liên quan.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CỦA XÃ GIỚI PHIÊN SƠ VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

I. HIỆN TRẠNG CỦA XÃ GIỚI PHIÊN

1. Vị trí địa lý

Xã Giới Phiên nằm ở phía Tây Nam của thành phố Yên Bái, có vị trí địa lý:

- + Phía Bắc giáp sông Hồng.
- + Phía Đông giáp sông Hồng.
- + Phía Nam giáp xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái;
- + Phía Tây giáp phường Hợp Minh, thành phố Yên Bái; xã Bảo Hưng, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

2. Điều kiện tự nhiên, dân số và lao động

- Xã Giới Phiên có diện tích đất tự nhiên là 1123.74 ha. Trong đó: Đất nông nghiệp: 674,32 ha; Đất phi nông nghiệp: 448,43 ha; Đất chưa sử dụng: 0,99 ha.

- Xã Giới Phiên có 6 thôn gồm: Ngòi Châu, Xóm Soi, Ngòi Đông, Tiền Phong, Phúc Thịnh, Đông Thịnh.

- Dân số và lao động.

+ Dân số tính đến thời điểm hiện tại: 3.854 người, có 7 dân tộc sinh sống, trong đó dân tộc Kinh chiếm 98,5%, các dân tộc khác chiếm 1,5%.

+ Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 80,8%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp: 19,2%.

3. Hiện trạng phát triển kinh tế

- Về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng: Trên địa bàn xã hiện có 7 đơn vị doanh nghiệp, 216 cơ sở sản xuất và các hộ kinh doanh dịch vụ lớn, nhỏ; đặc biệt có Làng nghề sản xuất miến đao Giới Phiên với trên 52 hộ sản xuất, đã mang lại thu nhập và tạo việc làm với mức thu nhập ổn định cho nhiều lao động trên địa bàn xã.

- Về thương mại - dịch vụ: xã Giới Phiên có các cơ sở kinh doanh dịch vụ vừa và nhỏ trên các lĩnh vực như kinh doanh tạp hóa, nhà hàng ăn uống phục vụ tốt nhu cầu của nhân dân.

- Về nông nghiệp - lâm nghiệp và thủy sản: xã hiện còn 19,2% số lao động nông nghiệp. Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp chủ yếu do trồng rừng, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản.

- Thu nhập bình quân đầu người đạt 36,45 triệu đồng/người/năm.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã kết hợp với nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên đã đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy và hệ thống chính trị, cũng như thực hiện chính sách an sinh - xã hội.

4. Hệ thống các công trình hạ tầng đô thị

4.1. Công trình hạ tầng xã hội:

- Về nhà ở: Toàn xã có 885 nhà xây dựng kiên cố đổ mái bằng hoặc lợp tôn, fibro xi măng, đạt 92,47%.

- Giáo dục và đào tạo: Xã Giới Phiên có 03 trường học, bao gồm:

+ Trường Mầm non Giới Phiên (02 điểm trường): Diện tích rộng 6.515 m², bao gồm nhà làm việc của Ban giám hiệu; 8 phòng học và 2 phòng thể chất; 02 bếp nấu ăn cho học sinh mầm non.

+ Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Giới Phiên (02 điểm trường): Diện tích rộng 10.924 m², bao gồm nhà làm việc của Ban giám hiệu; 18 phòng học; 06 phòng bộ môn, chức năng, trong đó 03 phòng có đủ thiết bị theo tiêu chuẩn quy định; 02 bếp nấu ăn cho học sinh tiểu học.

+ Trường THPT Hoàng Quốc Việt: Diện tích rộng 19.553,4 m², thuộc địa bàn thôn Ngòi Châu, xã Giới Phiên, có đủ nhà làm việc của Ban giám hiệu, phòng học theo quy định.

- Y tế: Có 01 trạm y tế xã với 5 giường bệnh, 12 phòng chức năng. Tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 94,8%.

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội tiếp tục được quan tâm đầu tư phát triển cả về số lượng và chất lượng; công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân trên địa bàn, công tác phòng chống dịch bệnh được quan tâm đúng mức.

- Công trình phúc lợi công cộng, các thiết chế văn hóa như: 02 sân bóng, 06 nhà văn hóa, 02 Nhà văn hóa đa năng tại thôn Xóm Soi và thôn Đông Thịnh

phục vụ các hoạt động thể dục thể thao, giải trí văn hóa văn nghệ của nhân dân. Trung tâm điều dưỡng người có công của tỉnh. Đai k2 thuộc tiểu đoàn C2 sân bay Yên Bái.

4.2. Công trình hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Đường Hoàng Quốc Việt dài 8,5 km, đường Âu Cơ dài 1,3 km, đường Bách Lãm dài 680m, đường Tuần Quán dài 700 m, đường nối Quốc Lộ 32C với đường Cao tốc dài 3,5 km đã được đầu tư xây dựng hệ thống cống thoát nước và điện chiếu sáng đồng bộ; đường Quốc lộ 32C mới xây được khoảng 600m chưa có điện chiếu sáng và cống thoát nước.

+ Đường trục thôn, liên thôn toàn xã: Có chiều dài là 22,54 km đã kiên cố hóa 17,52 km chiếm 77,7%;

+ Đường ngõ, xóm: Có tổng chiều dài 11,06 km đã bê tông 9,36 km chiếm 84,6%.

+ Đường trục chính nội đồng có 8,58km, trong đó cứng hóa đạt chuẩn 7,53km, đạt 87,7%

+ Trên địa bàn xã đã có một số đường thôn lắp đặt điện thắp sáng đường quê được đầu tư từ nguồn xã hội hóa.

Công tác duy tu, quản lý, bảo dưỡng đường giao thông, đường nội đồng đã được Ủy ban nhân dân xã quan tâm chỉ đạo giao cho các đơn vị thôn, xóm cùng với dân quản lý và bảo dưỡng.

- Hệ thống điện, thông tin liên lạc:

+ Cấp điện: Tổng số trạm biến áp phục vụ điện sinh hoạt, sản xuất cho nhân dân trong xã là 13 trạm với tổng công suất là 630KVA. Tỷ lệ hộ dùng điện thường xuyên an toàn đạt 100% trên tổng số hộ; Điện được cung cấp thường xuyên 24/24h.

+ Xã có 2 điểm bưu điện văn hóa xã đảm bảo yêu cầu; có 03 cột phát sóng di động của Viettel và Vinaphone, 100% các thôn trên địa bàn xã có đường truyền Internet đến các thôn; có đài truyền thanh và hệ thống loa đến 6/6 thôn và 6/6 thôn có hệ thống loa truyền thanh riêng của thôn.

+ 100% hộ dân có điện thoại, chủ yếu là điện thoại di động cá nhân.

+ 100% hộ dân có phương tiện nghe nhìn.

- Hệ thống cấp, thoát nước:

+ Cấp nước: Hệ thống đường ống dẫn nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái lắp đặt dọc theo đường Âu Cơ và đường dẫn cầu Bách Lãm. Nguồn cấp nước chủ yếu là hệ thống nước giếng hợp vệ sinh do nhân dân đầu tư xây dựng, đảm bảo cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho 100% dân số trong xã.

+ Hệ thống thoát nước và xử lý rác thải: Hệ thống thoát nước thải từ sản xuất và sinh hoạt của nhân dân vẫn còn là hệ thống rãnh thoát nước tràn dọc

theo các trục đường giao thông. Các hộ gia đình đều có hệ thống tiêu thoát nước đảm bảo vệ sinh, không gây ô nhiễm không khí và nguồn nước xung quanh. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý theo đúng quy định đạt từ 80 % trở lên, tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp đạt từ 35% trở lên. Toàn bộ khối lượng rác hàng ngày được thu gom đã được xử lý đúng theo quy định đạt từ 100%. UBND xã ký hợp đồng với công ty TNHH một thành viên Nam Thành thu gom rác thải, việc phân loại áp dụng biện pháp xử lý phù hợp do đơn vị có chức năng thực hiện.

Bố trí xây dựng 20 bể thu gom chất thải rắn trên đồng ruộng tập chung chủ yếu các khu vực sản xuất tập chung của nhân dân trên địa bàn 6 thôn.

Tuy nhiên với số lượng công trình đang được thi công hiện nay cũng như sắp tới trên địa bàn xã thì hệ thống tiêu thoát nước, xử lý nước thải một số khu vực còn chưa đảm bảo yêu cầu.

Cơ sở hạ tầng, điện - đường - trường - trạm được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, hằng năm có kế hoạch sửa chữa. Đảm bảo phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân.

- Kiến trúc cảnh quan: Tuyến đường 32C đang được giải phóng mặt bằng chuẩn bị được thi công với bề rộng mặt đường là 36m; Kè Giới Phiên đang được đầu tư xây dựng; 2 công trình cầu Tuần Quán và cầu Bách Lãm đã được đưa vào sử dụng và cầu Văn Phú đã có, hiện trên địa bàn xã có 03 cầu nối với trung tâm thành phố, trên địa bàn xã có tuyến đường Âu Cơ và tuyến đường nối Quốc lộ 32C với đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai trở thành cầu nối trung tâm thành phố Yên Bái với địa phương, giúp cho giao thông đi lại thuận tiện, nhanh chóng.

Quy hoạch và phát triển các khu dân cư mới và chỉnh trang các khu dân cư hiện có, theo hướng văn minh, bảo tồn được bản sắc văn hóa tốt đẹp nhưng vẫn phù hợp với quy hoạch chung của thành phố Yên Bái.

Khu văn hóa tâm linh Chùa Long Khánh, Đình Giới Phiên, Đình Đông Thịnh (di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh) được đầu tư tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị tạo điểm đến cho nhân dân và du khách đến thăm quan, chiêm bái. Các công trình đều có kiến trúc mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

5. Đánh giá chung về thực trạng phát triển của xã Giới Phiên

- **Ưu điểm:** Hiện nay xã Giới Phiên đã đạt 11/17 tiêu chuẩn của phường, có hệ thống giao thông thuận lợi, liền kề với trung tâm thành phố Yên Bái, có nguồn lao động phong phú, trình độ dân trí ngày càng cao và tương đối đồng đều nên có nhiều thuận lợi cho sự phát triển về kinh tế - chính trị, văn hóa – xã hội của xã, góp phần thúc đẩy sự phát triển chung của thành phố và của tỉnh.

- **Về tồn tại, hạn chế:** Bên cạnh kết quả đạt được, xã Giới Phiên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế đó là:

+ Hiện nay xã còn 6/17 tiêu chuẩn chưa đạt phường gồm: (1) quy mô dân số; (2) cân đối thu chi ngân sách; (3) tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất;

(4) tỷ lệ tuyến phố chính được chiếu sáng; (5) mật độ đường công thoát nước chính; (6) tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật.

+ Kinh tế phát triển chưa bền vững, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại - dịch vụ phát triển còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương; sản xuất nông nghiệp còn manh mún nhỏ lẻ, chủ yếu vẫn là kinh tế hộ gia đình.

+ Công tác quản lý đất đai, quy hoạch, đánh đố đất còn hạn chế, việc khắc phục, xử lý ảnh hưởng các công trình dự án tiến độ còn chậm. Việc phối hợp thực hiện công tác giải phóng mặt bằng thi công các công trình trên địa bàn xã có thời điểm hiệu quả chưa cao.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ GIỚI PHIÊN SO VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG

1. Phương pháp đánh giá theo tiêu chuẩn thành lập phường

Trên cơ sở hiện trạng của xã Giới Phiên và rà soát các tiêu chuẩn theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị. Để thành lập phường thì phải đạt các tiêu chuẩn của phường theo Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13.

Biểu số 01

Tổng hợp đánh giá hiện trạng của xã Giới Phiên so với tiêu chuẩn thành lập phường

ST T	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá	Ghi chú
1	Quy mô dân số (người)	7.000	3.854	Không đạt	
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	5,5	11,24	Đạt	
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội				
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Thiếu	Không đạt	
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	3,98%	Không đạt	Tỷ lệ của thành phố là 1,73%
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80 %	80,8%	Đạt	
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				

ST T	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13	Hiện trạng năm 2020	Đánh giá	Ghi chú
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	$\geq 2,7$	9,6	Đạt	
4.2	Trạm y tế ($\geq 500\text{m}^2/\text{trạm}$) (trạm/5.000 người)	≥ 1	01	Đạt	
4.3	Sân tập luyện ($\geq 3.000\text{m}^2$) ($\text{m}^2/\text{người}$)	$\geq 0,5$	1,66	Đạt	
4.4	Chợ hoặc siêu thị (công trình)	≥ 1	1	Đạt	Đang triển khai xây dựng
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng ($\text{m}^2/\text{người}$)	≥ 2	12,32	Đạt	
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số ($\text{m}^2/\text{người}$)	≥ 9	225,4	Đạt	
4.7	Cấp điện sinh hoạt (kwh/người/năm)	≥ 500	540	Đạt	
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥ 95	14,34	Không đạt	
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	≥ 95	100	Đạt	
4.10	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km^2)	$\geq 3,5$	1,1	Không đạt	
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 25	0	Không đạt	
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 80	80	Đạt	

2. Đánh giá hiện trạng xã Giới Phiên so với tiêu chuẩn thành lập phường.

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, UBND thành phố đã tiến hành rà soát các tiêu chuẩn thành lập phường Giới Phiên.

Qua kết quả rà soát tổng số có 17 tiêu chuẩn thì xã Giới Phiên đạt được 11 tiêu chuẩn, còn 06 tiêu chuẩn chưa đạt, gồm các tiêu chuẩn sau:

1. Quy mô dân số (người): Theo quy định, tiêu chuẩn quy mô dân số đạt tối thiểu là 7.000 người, tuy nhiên quy mô dân số hiện nay của xã mới đạt 3.854 người, còn thiếu 3.146 người.

2. Cân đối thu chi ngân sách: Theo quy định, tiêu chuẩn cân đối thu chi ngân sách phải đủ, tuy nhiên hiện nay thu ngân sách của xã đạt 3,2 tỷ đồng, chi ngân sách 4,5 tỷ đồng, cân đối thu chi ngân sách thiếu 1,3 tỷ đồng.

3. Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%): Theo quy định, tiêu chuẩn tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất đạt bình quân của thành phố. Tuy nhiên tỷ lệ hộ nghèo của xã năm 2018 là 6,38% (72 hộ), năm 2019 là 3,46% (40 hộ), năm 2020 là 2,11% (25 hộ), trung bình 3 năm (2018, 2019, 2020) là 3,98% không đạt bình quân của thành phố là 1,73% (năm 2018 là 2,69%, năm 2019 là 1,62%, năm 2020 là 0,89%)

4. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%): Theo quy định, tiêu chuẩn tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng phải đạt 95%, tuy nhiên hiện nay trên địa bàn xã mới có 3,180km/22,172km đường phố chính được chiếu sáng, đạt 14,34%, còn thiếu 17,9km chưa được chiếu sáng (chiếm tỷ lệ 80,66%)

5. Mật độ đường công thoát nước chính (km/km²): Theo quy định tiêu chuẩn mật độ đường công thoát nước chính phải đạt 3,5 km/km², tuy nhiên hiện nay mật độ đường công thoát nước chính trên địa bàn xã đạt 12,36km/11,24km² = 1,1 km/km², còn thiếu 2,4 km/km² (tương ứng với 27km đường công thoát nước)

6. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật: Theo quy định tiêu chuẩn tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%, tuy nhiên hiện nay tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý trên địa bàn xã đạt 0%.

III. DỰ BÁO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ GIỚI PHIÊN SO VỚI TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP PHƯỜNG ĐẾN NĂM 2022

Dự báo đến năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn của phường.

Biểu số 02

Dự báo đánh giá sự phát triển của xã Giới Phiên so với tiêu chuẩn thành lập phường đến năm 2022

STT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/U BTVQH13	Năm 2022		Ghi chú
			Dự báo	Đánh giá	
1	Quy mô dân số (người)	7.000	7.000	Đạt	
2	Diện tích tự nhiên (km ²)	5,5	11,24	Đạt	
3	Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội				

STT	Các tiêu chuẩn đánh giá	Tiêu chuẩn quy định của phường theo Nghị quyết 1211/2016/U BTVQH13	Năm 2022		Ghi chú
			Dự báo	Đánh giá	
3.1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Dư	Đạt	
3.2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất (%)	Đạt bình quân của thành phố	0,7 %	Đạt	Tỷ lệ của TP: 0,71%
3.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80 %	84,5%	Đạt	
4	Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị				
4.1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m ² /người)	≥2,7	7,69	Đạt	
4.2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm) (trạm/5.000 người)	≥ 1	1	Đạt	
4.3	Sân tập luyện (≥ 3.000m ²) (m ² /người)	≥ 0,5	1,66	Đạt	
4.4	Chợ hoặc siêu thị (công trình)	≥1	1	Đạt	
4.5	Đất cây xanh sử dụng công cộng (m ² /người)	≥2	9,88	Đạt	
4.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m ² / người)	≥9	180,6	Đạt	
4.7	Cấp điện sinh hoạt (kwh/người/năm)	≥500	600	Đạt	
4.8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	≥95	100%	Đạt	
4.9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh (%)	≥ 95	100	Đạt	
4.10	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	≥ 3,5	3,9	Đạt	
4.11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật (%)	≥ 25	25%	Đạt	
4.12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 80	85	Đạt	

Phần thứ ba

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM

Xây dựng xã Giới Phiên thành Phường Giới Phiên phải được đặt trong định hướng phát triển thành phố Yên Bái giai đoạn 2021-2030, quy hoạch chung thành phố Yên Bái và vùng phụ cận đến năm 2040, tầm nhìn 2060;

Sau khi xây dựng hoàn thành xã Giới Phiên lên phường, bộ mặt đô thị của phường sẽ có nhiều đổi thay, hạ tầng đô thị phát triển theo hướng đồng bộ, hiện đại, chất lượng đô thị được cải thiện theo hướng văn minh, xanh, sạch, đẹp, thân thiện với môi trường; kinh tế chuyên dịch mạnh mẽ theo hướng kinh tế đô thị, đạt tốc độ phát triển nhanh, bền vững; nguồn thu ngân sách trên địa bàn phường được tăng cao, đủ sức đáp ứng yêu cầu chi cho hoạt động của bộ máy và đầu tư trở lại cho nhu cầu phát triển tại địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện và nâng cao.

Giới Phiên trở thành phường phát triển nhanh, bền vững, khu đô thị trung tâm của thành phố, nơi đặt trung tâm chính trị, hành chính tổng hợp của thành phố Yên Bái trong tương lai, đóng góp tích cực để xây dựng thành phố Yên Bái trở thành đô thị văn minh, sinh thái, theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc”, là một trong các đô thị động lực của khu vực các tỉnh Tây Bắc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn của phường và đến năm 2023 xét đề nghị công nhận thành lập phường Giới Phiên, thành phố Yên Bái.

2. Mục tiêu cụ thể:

Năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn sau:

- Quy mô dân số đạt tối thiểu 7.000 người.
- Cân đối thu chi ngân sách: Thu ngân sách đảm bảo đáp ứng đủ các nhu cầu chi và có kết dư.
- Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2020, 2021, 2022) của xã đạt bình quân của thành phố (đạt 0,71%).
- Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng đạt tối thiểu 95%.
- Tỷ lệ nước thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật, đạt tối thiểu 25%.
- Mật độ đường cống thoát nước chính đạt 3,5 (km/km²).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU.

1. Duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn của phường đã đạt một cách bền vững:

- Đầu tư cải tạo, sửa chữa, nâng cấp trạm y tế, trường học, nhà văn hóa và sân thể thao các thôn trên địa bàn xã.

- Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch trên các tuyến đường liên thôn, liên xã và tuyên truyền, khuyến khích người dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh.

- Đào tạo nghề chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp; nâng cao chất lượng đào tạo nghề gắn với nhu cầu doanh nghiệp và phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ để tổ chức thu gom rác trên địa bàn xã, đảm bảo rác thải sinh hoạt được xử lý đúng quy định.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, duy trì các cơ sở sản xuất công nghiệp, thương mại dịch vụ.

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe của người dân, nâng cao chất lượng văn hóa, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Kiên cố hóa các tuyến đường giao thông trên địa bàn xã.

- Triển khai đầu tư các tuyến đường kết nối với các địa phương khác như các tuyến đường nối từ đường cầu Bách Lãm đến đường Âu Cơ...

2. Khắc phục các tiêu chuẩn chưa đạt tiêu chuẩn của phường.

2.1. Về tăng quy mô dân số.

- Thu hút, tạo mọi điều kiện cho các nhà đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, trung tâm thương mại, khu vui chơi giải trí dọc đường 32C, đường cầu Bách Lãm, đường cầu Tuần Quán, đường Âu Cơ theo quy hoạch như Khu đô thị Bách Lãm A-B tại thôn Ngòi Châu, thôn Xóm Soi; Khu thương mại dịch vụ (trụ sở UBND xã Giới Phiên cũ) tại thôn Ngòi Châu, thôn Xóm Soi; Dự án kinh doanh nhà ở, khu thương mại (giáp điểm 5B) tại thôn Phúc Thịnh; Khu đô thị mới APEC tại thôn Xóm Soi (diện tích 68,4ha với trên 6.000 người),... nhằm tạo công ăn việc làm, thu hút nguồn lao động phi nông nghiệp, tăng dân số cơ học, tăng thu nhập cho người dân.

- Thực hiện các dự án đầu tư phát triển các tuyến đường mới kết hợp với san tạo mặt bằng chuyển đổi một số quỹ đất thành đất dân cư, tổ chức bán đấu giá, hình thành các khu đô thị mới trên tuyến đường 32C, đường Âu Cơ,... và các tuyến đường mới nhằm thu hút đầu tư và đẩy nhanh tốc độ tăng dân số, tăng thu ngân sách.

- Xây dựng chợ Bến Đò đáp ứng quy mô là chợ đầu mối cung cấp hàng hóa cho thành phố Yên Bái, nhằm thu hút người dân đến kinh doanh, buôn bán.

- Xây dựng bến xe khách tại khu đầu cầu Văn Phú theo quy hoạch.

2.2. Về thu ngân sách.

- Khai thác đầy đủ và hiệu quả các nguồn thu ở xã: Thuế, phí và lệ phí; tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê nhà; thu khác ngân sách: thu phạt vi phạm trật tự, an toàn giao thông; phạt vi phạm hành chính; thu cố định tại xã.

- Tuyên truyền, vận động, khuyến khích người dân có nhu cầu làm thủ tục, hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất; tiếp tục rà soát, vận động người dân hợp pháp hóa các quỹ đất dôi dư; phát triển các quỹ đất dân cư mới trên trục đường 32C, đường Âu Cơ, đường cầu Bách Lãm, đường cầu Tuần Quán và các tuyến đường mới.

- Tạo điều kiện để các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh trên các trục đường chính của xã.

- Rà soát đưa các hộ kinh doanh mới phát sinh vào quản lý, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, thông báo các hộ kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, tăng cường kiểm tra đối với các hộ có hoạt động xây dựng trên địa bàn xã.

- Làm tốt công tác vận động doanh nghiệp nộp tiền thuê đất đúng thời hạn.

- Phối hợp với các tổ chức đơn đốc, kiểm tra việc kê khai và nộp thuế của các hộ kinh doanh trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý xử phạt đối với các hộ vi phạm nghĩa vụ thuế.

- Kiện toàn tổ chống thất thu ngân sách xã để đơn đốc thu và xử lý nợ đọng thuế trên địa bàn, nhất là thuế nợ các năm trước.

2.3. Về giảm tỷ lệ hộ nghèo

- Xây dựng kế hoạch giảm nghèo và danh sách dự kiến thoát nghèo chi tiết hàng năm, tiến hành đánh giá thực trạng và nhu cầu của từng hộ để xây dựng phương án giúp đỡ thoát nghèo phù hợp. Đồng thời giao cho các cán bộ, đảng viên trực tiếp theo dõi, giúp đỡ từng hộ nghèo; thường xuyên nắm bắt tình hình đời sống, phát triển sản xuất của các hộ nghèo để kịp thời hỗ trợ khi cần thiết. Dự kiến năm 2022, tỷ lệ trung bình hộ nghèo 03 năm (2020, 2021, 2022) của xã là 0,7% đạt bình quân của thành phố (0,71%)

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện mục tiêu giảm nghèo sâu rộng đến các cấp, các ngành, các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo nhằm thay đổi và chuyển biến nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động, vươn lên của hộ nghèo; có hình thức khen thưởng, động viên kịp thời đối với các hộ nghèo tự nguyện thoát nghèo tiêu biểu.

- Thực hiện nhóm chính sách hỗ trợ vay vốn giúp hộ nghèo tiếp cận hiệu quả các nguồn vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh, phát triển sinh kế, hướng dẫn cách làm ăn gắn với thế mạnh, tiềm năng của địa phương.

- Triển khai thực hiện tốt Đề án hỗ trợ hộ nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng thoát nghèo của thành phố giai đoạn 2021-2025.

- Vận động hộ nghèo tham gia học nghề gắn với giới thiệu việc làm, khuyến khích hộ nghèo tham gia xuất khẩu lao động, tăng thu nhập, vươn lên thoát nghèo.

- Tăng cường công tác vận động xã hội hóa từ các tổ chức chính trị - xã hội, các nhà hảo tâm hỗ trợ cải thiện các tiêu chí thiếu hụt của hộ nghèo về y tế,

giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin giúp đời sống của người dân từng bước được nâng lên, thoát nghèo bền vững.

2.4. Về xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên các tuyến đường chính.

- Triển khai lắp đặt, xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên tuyến đường chính của xã (12 tuyến đường với chiều dài 17,99 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

2.5. Về xử lý nước thải đô thị.

- Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống công thu gom nước thải đạt chất lượng và hiệu quả cao nhất.

- Tuyên truyền, vận động người dân xây dựng hệ thống công thu gom nước thải sinh hoạt, xử lý qua bể tự hoại trước khi xả thải ra hệ thống thoát nước bên ngoài, đảm bảo tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt 25%

2.6. Về mật độ đường công thoát nước chính

- Đầu tư xây dựng hệ thống đường công thoát nước trên các tuyến đường chính của xã (8 tuyến đường với chiều dài 27 km) bằng nguồn ngân sách và nguồn xã hội hóa (có phụ biểu chi tiết kèm theo).

IV. KINH PHÍ ĐẦU TƯ

1. Kinh phí dự kiến đầu tư: 40,138 tỷ đồng, Trong đó:

- Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng: 13,138 tỷ đồng
- Đầu tư xây dựng hệ thống đường công thoát nước chính: 27 tỷ đồng

2. Nguồn kinh phí

- Từ ngân sách thành phố: 29 tỷ đồng.
- Từ các nguồn vốn hợp pháp khác: 11,138 tỷ đồng.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Quản lý đô thị

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND xã Giới Phiên đề xuất cụ thể, chi tiết các giải pháp và lộ trình thực hiện Đề án; hướng dẫn UBND xã Giới Phiên triển khai thực hiện các mục tiêu Đề án.

- Tham mưu cho UBND thành phố thẩm định nhiệm vụ và đồ án quy hoạch theo phân cấp trình UBND thành phố phê duyệt; Thực hiện chức năng quản lý kiến trúc cảnh quan đô thị; tham mưu đề xuất các chỉ tiêu kiến trúc xây dựng công trình để UBND thành phố xem xét, phê duyệt; Cấp giấy phép xây dựng cho các tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền; Kiểm tra, xử lý các vi phạm trong lĩnh vực quản lý đô thị.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

2. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ thành phố.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban, đơn vị tham mưu UBND thành phố thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án.

- Trên cơ sở Đề án được phê duyệt, năm 2022, xã Giới Phiên đạt các tiêu chuẩn của phường. Cơ quan Tổ chức - Nội vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nâng cấp xã Giới Phiên thành phường Giới Phiên, thành phố Yên Bái.

3. Phòng Kinh tế

- Tham mưu cho UBND thành phố các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế trên địa bàn xã; công tác phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn; Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với UBND xã trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực công thương, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn; về thực hiện các biện pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, trồng rừng và khai thác lâm sản; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản; phát triển ngành nghề, làng nghề trên địa bàn xã.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

4. Phòng Tài chính - Kế hoạch

- Tham mưu cho UBND thành phố bố trí nguồn kinh phí và ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện cơ chế, chính sách, pháp luật, các quy định của cấp trên trong thực hiện các đề án, chương trình phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, biện pháp thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong phạm vi quản lý của phòng; Trình Chủ tịch UBND thành phố các chương trình, danh mục, dự án đầu tư trên địa bàn; thẩm định và chịu trách nhiệm về dự án, kế hoạch đầu tư trên địa bàn thuộc thẩm quyền.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

5. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội

- Tham mưu UBND thành phố xây dựng lộ trình và các giải pháp giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn các xã, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, Ban Chỉ đạo giảm nghèo thành phố và Ủy ban nhân dân các xã, phường thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo trong năm.

- Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã và các đơn vị dạy nghề tổ chức tuyên truyền, định hướng cho người lao động tham gia các lớp đào tạo nghề nhằm chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp.

6. Phòng Văn hóa và Thông tin thành phố; Trung tâm Truyền thông và Văn hóa thành phố

- Tăng cường công tác tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh thành phố và Đài truyền thanh cơ sở về các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước

về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, thể thao và du lịch gắn với việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

7. Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố

- Tham mưu cho UBND thành phố triển khai thực hiện kế hoạch, chính sách về hợp pháp hóa quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn xã; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong lĩnh vực đất đai.

- Tham mưu UBND thành phố thực hiện các giải pháp hoàn thiện tiêu chuẩn chưa đạt phường thuộc lĩnh vực của phòng phụ trách.

8. Đề nghị Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố và các đoàn thể chính trị - xã hội thành phố

Tăng cường phối hợp với các tổ chức thành viên và các cơ quan đơn vị trong hệ thống chính trị thành phố tuyên truyền, vận động đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân hiểu, chấp hành tốt nghị quyết, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; củng cố và phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc góp phần thực hiện hiệu quả Đề án.

9. Ủy ban nhân dân xã Giới Phiên

- Tập trung rà soát các tiêu chuẩn của phường theo từng năm để phối hợp với các phòng, ban của thành phố xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo mục tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ thành phố khóa XX đã đề ra.

- Triển khai các giải pháp tăng thu ngân sách, phân đầu tư cân đối được ngân sách; chi ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng, quản lý đất đai và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

10. Các phòng, ban, đơn vị theo chức năng nhiệm vụ được giao tham mưu giúp UBND thành phố các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền giải quyết. *th*

**TM. UBND THÀNH PHỐ
Q. CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Trúc

Phụ lục 1
Hiện trạng một số chỉ tiêu về kinh tế xã hội, cơ sở hạ tầng năm 2020



STT	Nội dung	Năm 2020	Ghi chú
1	Dân số (người)	3.854	
2	Diện tích tự nhiên (km²)	11,24	
3	Thu, chi ngân sách		
3.1	Thu ngân sách (tỷ đồng)	3,2	
3.2	Chi ngân sách (tỷ đồng)	4,5	
3.3	Cân đối thu - chi ngân sách (tỷ đồng)	(1,3)	Thiếu
4	Lao động phi nông nghiệp		
4.1	Lao động phi nông nghiệp (người)	1.790	
4.2	Tổng số lao động (người)	2.215	
4.3	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp (%)	80,8	
5	Diện tích đất		
5.1	Diện tích đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m ²)	36.992,4	
5.2	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở (m ² /người)	9,60	
5.3	Diện tích đất cây xanh công cộng (m ²)	47.500	
5.4	Đất cây xanh sử dụng công cộng tính trên dân số (m ² / người)	12,32	
5.5	Diện tích đất giao thông (m ²)	868.700	
5.6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số (m ² / người)	225,40	
6	Tuyến đường phố chính		
6.1	Chiều dài tuyến đường phố chính được chiếu sáng (m)	3.180	
6.2	Tổng chiều dài tuyến đường phố chính (m)	22.172	
6.3	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)	14,34	
7	Hệ thống công thoát nước		
7.1	Tổng chiều dài hệ thống công thoát nước trên các tuyến đường chính (km)	12,36	
7.2	Mật độ đường công thoát nước chính (km/km ²)	1,10	

Phụ lục 2
Tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2018-2020



TT	Địa bàn	Năm 2018			Năm 2019			Năm 2020			Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm (2018,2019 ,2020)
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Xã Giới Phiên	1.134	72	6,38	1.162	40	3,46	1.187	25	2,11	3,98
2	TP Yên Bái	29.775	802	2,69	31.059	504	1,62	31.229	278	0,89	1,73

Phụ lục 3

HIỆN TRẠNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIỚI PHIÊN



STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Tổng chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Chiều dài đường cống đã được xây dựng 2 bên tuyến đường (m)	Ghi chú
1	Đường Hoàng Quốc Việt	8.500	500		
2	Đường Âu Cơ	1.300	1.300	2.600	
3	Đường Bách Lãm	680	680	1.360	
4	Đường Tuần Quán	700	700	1.400	
5	Đường nối Quốc lộ 32c Với đường Cao tốc	3.500		7.000	
6	Đường thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (nhà bà Hà) đến giáp nhà ông Trần Văn Châu đến vị trí 1 đường HQV	850			
7	Đường thôn Xóm Soi - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đường bê tông	1.100			
8	ĐG thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đg HQV (nhà ông Cường) theo đg bê tông đến nhà ông Vũ Kim Ngộ đến giáp vị trí 1 đường HQV	992			
9	Đường thôn Xóm Soi	650			
10	Đường từ Sau VT1 đường Hoàng Quốc Việt qua trường THCS đến nhà bà Hoa	450			
11	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Bảo Hưng thôn Đông Thịnh	950			
12	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi bến đò cũ	200			
13	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Hồ Hâm	650			
14	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt vào khu TĐC cầu Văn Phú (Đường vào Gò Mơ)	200			
15	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi đập Ngòi Lầy	500			
16	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi xóm giếng mỏ thôn Đông Thịnh	300			
17	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi vào nhà ông Hiền thôn Đông Thịnh	500			
18	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi vào nhà bà Thủy thôn Đông Thịnh	150			
	Tổng cộng	22.172	3.180	12.360	



Phụ lục 4:
BẢNG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ CÔNG THOÁT NƯỚC TRÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIỚI PHIÊN

Công bê tông cốt thép cơ nắp dầy (B=1m)

TT	Tên đường phố	Tổng chiều dài tuyến đường (m)	Chiều dài tuyến đường đã xây công (m)	Chiều dài tuyến đường chưa xây công (m)	Chiều dài cống chưa xây (2 bên tuyến đường) (m)	Đơn giá (nghìn đồng/m)	Thành tiền (nghìn đồng/m)	Ghi chú
1	Đường Hoàng Quốc Việt	8.500		8.500	17.000	1.000	17.000.000	
2	Đường thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (nhà bà Hà) đến giáp nhà ông Trần Văn Châu đến vị trí 1 đường HQV	850		850	1.700	1.000	1.700.000	
3	Đường thôn Xóm Soi - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đường bê tông	1.100		1.100	2.200	1.000	2.200.000	
4	Đường thôn Xóm Soi	650		650	1.300	1.000	1.300.000	
5	Đường từ Sau VT1 đường Hoàng Quốc Việt qua trường THCS đến nhà bà Hoa	450		450	900	1.000	900.000	
6	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Bảo Hưng thôn Đông Thịnh	950		950	1.900	1.000	1.900.000	
7	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi đập Ngòi Lầy	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
8	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi vào nhà ông Hiền thôn Đông Thịnh	500		500	1.000	1.000	1.000.000	
	Tổng cộng	13.500	-	13.500	27.000	8.000	27.000.000	

**BẢNG DỰ KIẾN ĐẦU TƯ ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÁC TUYẾN ĐƯỜNG CHÍNH
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ GIỚI PHIÊN**

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Tổng chiều dài tuyến đường được chiếu sáng (m)	Tổng chiều dài tuyến đường chưa được chiếu sáng (m)	Số lượng cột điện chiếu sáng	Đơn giá (nghìn đồng/cột)	Thành tiền (nghìn đồng)	Ghi chú
1	Đường Hoàng Quốc Việt	8.500	500	8.000	267	45.000	12.015.000	
2	Đường nối Quốc lộ 32c Với đường Cao tốc	3.500		3.500			-	Sở GTVT đầu tư
3	Đường thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt (nhà bà Hà) đến giáp nhà ông Trần Văn Châu đến vị trí 1 đường HQV	850		850	42	3.500	147.000	
4	Đường thôn Xóm Soi - Từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đến hết đường bê tông	1.100		1.100	55	3.500	192.500	
5	ĐG thôn Ngòi Châu - Từ sau vị trí 1 đg HQV (nhà ông Cường) theo đg bê tông đến nhà ông Vũ Kim Ngộ đến giáp vị trí 1 đường HQV	992		992	49	3.500	171.500	
6	Đường thôn Xóm Soi	650		650	32	3.500	112.000	
7	Đường từ Sau VT1 đường Hoàng Quốc Việt qua trường THCS đến nhà bà Hoa	450		450	22	3.500	77.000	
8	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Bảo Hưng thôn Đông Thịnh	950		950	47	3.500	164.500	
9	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi bến đò cũ	200		200	10	3.500	35.000	
10	Đường nhánh từ đường Hoàng Quốc Việt đi Hồ Hầm	650		650	32	3.500	112.000	
11	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi đập Ngòi Lầy	500		500	25	3.500	87.500	
12	Đường nhánh từ sau vị trí 1 đường Hoàng Quốc Việt đi vào nhà bà Thủy thôn Đông Thịnh	150		150	7	3.500	24.500	
	Tổng cộng	18.492	500	17.992	588	80.000	13.138.500	

Ghi chú: Đối với đường tỉnh, thành phố quản lý: Bình quân 30 m bố trí 01 cột đèn điện chiếu sáng, dự kiến chi phí một cột khoảng 45 triệu đồng. Đối với đường liên thôn, liên xã bình quân 20m bố trí 01 cột đèn điện chiếu sáng, dự kiến chi phí một cột khoảng 3,5 triệu đồng



Phụ lục 6
CÂN ĐỐI THU CHI NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021 - 2022

STT	Năm ngân sách	Xã Giới Phiên			Ghi chú
		Thu cân đối	Chi cân đối	Thu - Chi	
1	Năm 2021	5,4	5,3	0,1	Dư
2	Năm 2022	6,0	5,8	0,2	Dư



Phụ lục 7
DỰ BÁO TỶ LỆ HỘ NGHÈO ĐẾN NĂM 2022

TT	Xã, phường	Năm 2019			Năm 2020			Năm 2021 (Dự ước)			Năm 2022 (Dự ước)		
		Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)	Tổng số hộ	Số hộ nghèo (hộ)	Tỷ lệ (%)
1	Xã Giới Phiên	1.162	40	3,46	1.187	25	2,11	1.215	0	0	1.245	-	-
2	TP Yên Bái	31.059	504	1,62	31.229	278	0,89	31.519	219	0,69	31.817	178	0,56



Phụ lục 8

TỶ LỆ HỘ NGHÈO TRUNG BÌNH 3 NĂM

TT	Xã, phường	2019	2020	2021	2022	Tỷ lệ TB 3 năm (2019,2020,2021)	Tỷ lệ TB 3 năm (2020,2021,2022)
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>
1	Xã Giới Phiên	3,46	2,11	0,00	0,00	1,86	0,70
2	TP Yên Bái	1,62	0,89	0,69	0,56	1,07	0,71